

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Sơn khu vực bên trong tòa nhà Hành chính của Công ty.

Phát hành ngày: 22/01/2026

Ban hành kèm theo Quyết định: 80/QĐ - CP NT2

Bên mời thầu *Mh*



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hà

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào giá cạnh tranh (nộp báo giá) gói thầu “Sơn khu vực bên trong tòa nhà Hành chính của Công ty”. Phạm vi công việc và yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương có đủ điều kiện thực hiện gói thầu theo quy định của pháp luật do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

- Có ít nhất 01 hợp đồng có tính chất tương tự (sơn sửa hoặc công tác cải tạo, xây dựng các công trình dân dụng hoặc công nghiệp...) mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc nhà thầu đã hoàn thành phần lớn (hoàn thành 70% gói thầu) trong vòng 3 năm trở lại đây (tính từ thời điểm hết hạn nộp BBG): có giá trị ≥ 225 triệu đồng.
- Cam kết đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm ngừng tiếp nhận Bản báo giá.

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì bị loại.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I. Về phạm vi công việc			
1	Phạm vi công việc của gói thầu	Theo đúng yêu cầu tại Mục 2 Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu tại YCBG	Không đúng yêu cầu tại Mục 2 Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu tại YCBG
2	Thời gian và địa điểm thực hiện hợp đồng.	Theo đúng yêu cầu tại Mục 1, Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu tại YCBG	Không đúng yêu cầu tại Mục 1, Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu tại YCBG
II. Yêu cầu về kỹ thuật			
	Các yêu cầu về kỹ thuật	Theo đúng yêu cầu tại Mục 4, Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu tại YCBG	Không đúng yêu cầu tại Mục 4, Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu tại YCBG
III. Yêu cầu khác			
1	Cam kết chuẩn bị thiết bị đầy đủ để thực hiện công việc	Có cam kết	Không có cam kết
2	Cam kết nhân sự được mua Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật trước khi thực hiện hợp đồng	Có cam kết	Không có cam kết

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về kỹ thuật được xem xét, đánh giá tiếp về giá. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì bị loại.

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá chào;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá ((nếu có)3);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: BBG có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện BBG đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá chào có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá chào tương ứng thì đơn giá chào được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá chào nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá chào; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá chào và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá chào của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá chào sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá chào tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các BBG khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai

lệch; trường hợp trong BBG của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá chào của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá chào tương ứng trong BBG của nhà thầu này; trường hợp BBG của nhà thầu không có đơn giá chào tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu theo quy định trên, Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá đối với hồ sơ dự thầu của nhà thầu. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của Bên mời thầu thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó bị loại, trừ trường hợp việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá của bên mời thầu không phù hợp, chính xác.

Mục 6. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu 03a và Mẫu 03a (1);
3. Các nội dung cần thiết khác:
 - a. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp;
 - b. Có ít nhất 01 hợp đồng có tính chất tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc nhà thầu đã hoàn thành phần lớn (hoàn thành 70% gói thầu) trong vòng 3 năm trở lại đây (tính từ thời điểm hết hạn nộp BBG): có giá trị ≥ 225 triệu đồng.
 - c. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ hồ sơ/tài liệu chứng minh về việc đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật được nêu tại Chương II của Yêu cầu báo giá.
 - d. Nhà thầu có cam kết thời gian bảo hành cho toàn bộ phạm vi cung cấp: ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công việc.

Mục 7. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là **30 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 8. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai. Thời gian

nhận báo giá không muộn hơn 14 giờ 00 phút ngày 27/01/2026 (trong giờ hành chính). Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 9. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá (YCBG);
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 10. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên web site: <https://www.pvpnt2.vn>

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 11. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau: theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc tiền bằng hình thức chuyển khoản (Số tài khoản: 006704070001112 tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cộng hòa, người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2).

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03 % (ba phần trăm) giá hợp đồng.
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực bằng thời gian thực hiện hợp đồng cộng thêm 30 ngày.
- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho PVPower NT2 khi nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho PVPower NT2; Nhà thầu thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
- PVPower NT2 phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu trong thời hạn: 30 ngày kể từ khi hai Bên hoàn thành thủ tục thanh lý Hợp đồng.

Mục 12. Giải quyết kiến nghị

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định của Luật đấu thầu hiện hành.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: tại văn phòng Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Địa chỉ: Trung tâm Điện lực Dầu khí, Xã Đại Phước, Tỉnh Đồng Nai; Điện thoại: (84-251) 2225899 - Fax: (84-251) 2225 897);

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: tại văn phòng Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Địa chỉ: Trung tâm Điện lực Dầu khí, Xã Đại Phước, Tỉnh Đồng Nai; Điện thoại: (84-251) 2225899 - Fax: (84-251) 2225 897).

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Nhà thầu phải cung cấp Dịch vụ Sơn khu vực bên trong tòa nhà Hành chính của Công ty cho Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 theo đúng phạm vi công việc và yêu cầu kỹ thuật nêu dưới đây trong vòng 26 ngày kể từ ngày ký hợp đồng:

Mục 1: Giới thiệu về gói thầu

a. Phạm vi công việc của gói thầu: Sơn khu vực bên trong tòa nhà Hành chính của Công ty.

b. Thời hạn thực hiện hợp đồng: 40 ngày, trong đó thời gian thực hiện gói thầu là không quá 26 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và bên A (bên mời thầu Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2) lập biên bản bàn giao mặt bằng cho bên B (Nhà thầu).

c. Địa điểm thực hiện hợp đồng:

- Địa điểm thực hiện: Tòa nhà văn phòng Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Địa chỉ: Trung tâm Điện lực Dầu khí, Xã Đại Phước, Tỉnh Đồng Nai; Điện thoại: (84-251) 2225899 - Fax: (84-251) 2225 897).

Mục 2. Phạm vi và khối lượng

2.1 Phạm vi công việc:

- + Vệ sinh xử lý lớp sơn cũ, sau đó sơn 1 lớp lót và 2 lớp phủ bằng sơn Dulux (Dulux Ambiance Primer và Dulux Ambiance 5in1 Pearl Glow) hoặc tương đương;
- + Đối với vị trí phần tường bị thấm nước và bong tróc, nứt, trầy xước. Xử lý tẩy bã matit, vệ sinh, chống thấm trước khi sơn hoàn thiện;

2.2 Khối lượng công việc:

a) Khối lượng công việc tổng thể:

STT	Khối lượng công việc thực hiện	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Vệ sinh, xử lý cạo bỏ lớp sơn cũ	m2	2,518.9	
2	Bã bột matit và chống thấm chân tường	m2	1,461.0	
3	Sơn 1 lớp lót và 2 lớp phủ bằng sơn Dulux trong nhà (Dulux Ambiance Primer và Dulux Ambiance 5in1 Pearl Glow) hoặc tương đương	m2	2,518.9	
4	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong có chiều cao > 3,6m	100 m2	30.0	

b) Khối lượng công việc chi tiết:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng		Ghi chú
			Bả matit	Vệ sinh, sơn hoàn thiện	
I	Khu vực tầng trệt				
1	Vệ sinh, sơn sửa khu vực tường trong phòng mô hình	m2	41,74	68,74	
2	Vệ sinh, sơn sửa khu vực tường trong phòng chờ	m2	18,36	30,24	
3	Vệ sinh, sơn sửa khu vực tường thông tầng	m2	0	27,12	
4	Vệ sinh, sơn sửa các khu vực tường hành lang, tường ngoài phòng làm việc và phần tường khác.	m2	263,60	434,17	
II	Khu vực tầng 1				
1	Vệ sinh, sơn sửa khu vực tường trong phòng họp	m2	0	52,8	
2	Vệ sinh, sơn sửa các khu vực tường hành lang, tường ngoài phòng làm việc và phần tường khác.	m2	322,77	531,62	
III	Khu vực tầng 2				
1	Vệ sinh, sơn sửa khu vực tường trong phòng họp	m2	0	52,8	
2	Vệ sinh, sơn sửa các khu vực tường hành lang, tường ngoài phòng làm việc và phần tường khác.	m2	307,17	505,92	
IV	Khu vực tầng 3				
1	Vệ sinh, sơn sửa khu vực tường trong hội trường	m2	45,41	89,69	
2	Vệ sinh, sơn sửa các khu vực tường hành lang, tường ngoài phòng làm việc	m2	161,56	266,1	

	và phần tường khác.				
3	Vệ sinh, sơn sửa khu vực tường phòng kỹ thuật máy lạnh	m2	61,44	61,44	
V	Khu vực thang bộ				
1	Vệ sinh, sơn sửa khu vực tường, chiếu nghỉ cầu thang bộ 1	m2	90	150	
2	Vệ sinh, sơn sửa khu vực tường, chiếu nghỉ cầu thang bộ 2	m2	148,96	248,26	
	TỔNG CỘNG	m2	1461	2.518,9	

Mục 3. Các bản vẽ thi công

Hồ sơ hoàn công các hạng mục công trình liên quan và tài liệu liên quan, Chủ đầu tư sẽ cung cấp sau khi nhà thầu đề nghị tiến hành khảo sát để chuẩn bị hồ sơ chào giá cạnh tranh và phục vụ cho công tác chuẩn thi công các công việc theo phạm vi công việc tại Chương II, Mục 2 (trong trường hợp đơn vị chào giá cạnh tranh là đơn vị được chủ đầu tư lựa chọn để ký kết hợp đồng).

Mục 4. Yêu cầu về kỹ thuật

Nhà thầu phải cam kết có đầy đủ nhân sự và thiết bị để thực hiện gói thầu đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu. Bên cạnh đó nhà thầu phải tuân thủ theo các yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật của Chủ đầu tư. Ngoài ra, nhà thầu còn phải thực hiện các công việc cần thiết trong quá trình thi công bao gồm tổ chức thi công, giám sát, nghiệm thu, thử nghiệm, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và các yêu cầu khác (nếu có). Yêu cầu về mặt kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

4.1 Yêu cầu biện pháp tổng thể (yêu cầu nhà thầu chào và lập biện pháp thi công chi tiết gói thầu)

* Biện pháp Sơn khu vực bên trong tòa nhà Hành chính của Công ty:

- + Trước khi thi công, đơn vị thi công cần kết hợp với chủ đầu tư tiến hành khảo sát đo đạc, kiểm tra và xác định các thông số liên quan theo hồ sơ bản vẽ hoàn công và thực trạng các hạng mục trong tòa nhà văn phòng;
- + Nhà thầu lập biện pháp thi công chi tiết đối với các hạng mục công việc tại Chương II, Mục 2 trong khu vực đảm bảo công tác thi công các công việc đạt kỹ thuật, an toàn PCCC, vệ sinh môi trường chất lượng và tuân thủ các quy định nội quy của Chủ đầu tư;
- + Sau tất cả các công tác thi công đã hoàn thành nhà thầu tiến hành dọn dẹp mặt bằng, máy móc thiết bị, vật liệu dư thừa khỏi Nhà máy, phối hợp với bên A tiến hành công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng, kỹ thuật, tiến độ và công tác an toàn trong quá trình thi công phục vụ cho công tác nghiệm thu hoàn thành và bàn giao.

4.2 Yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ trong thi công công tác sơn tại tòa nhà hành chính

✦ **An toàn lao động**

- Nhà thầu tổ chức học tập phổ biến cho cán bộ công nhân viên các quy định về công tác đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn cháy nổ, các biện pháp đảm bảo an toàn lao động. Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở người lao động thực hiện đầy đủ các biện pháp an toàn lao động trong quá trình thi công.
- Trong quá trình thi công sẽ dựng các rào chắn bảo vệ tạm thời, căng dây rào chắn, đặt biển cảnh báo khi có người làm việc trên cao.
- Công nhân được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động: Giày, mũ, quần áo phao, găng tay, khẩu trang, ủng cao su... và được học tập các lớp an toàn lao động trước khi thi công.
- Các thiết bị chỉ được phép đưa vào sử dụng thi công đều được kiểm tra và cấp phép của bộ phận kiểm tra an toàn của Công ty.
- Trong suốt quá trình thi công an toàn lao động phải được đặt lên hàng đầu, phải thường xuyên tổ chức kiểm tra công tác an toàn lao động theo quy định.

✦ **Vệ sinh môi trường trong thi công**

Trong quá trình thi công, các biện pháp sau đây sẽ được sử dụng để giảm thiểu các tác động của môi trường:

- Thực hiện kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công;
- Thực hiện các nội dung khác theo quy định về ATVS của Chủ đầu tư.
- Vệ sinh mặt bằng tổng thể.

✦ **Phòng chống cháy, nổ trong thi công**

- Trong quá trình thi công có khả năng cháy nổ do sử dụng các loại thiết bị điện, xăng dầu. Do đó công tác phòng chống cháy nổ là rất quan trọng trong quá trình thi công cần luyện tập thường xuyên để phòng các sự cố.
- Nhà thầu phải đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trên công trường và tuân thủ tuyệt đối nội quy, quy định an toàn của Nhà máy.

✦ **Về xử lý, vận chuyển phế thải**

- Phế thải sẽ được vận chuyển thủ công tới đường giao thông sau đó vận chuyển bằng phương tiện phù hợp tới khu vực tập kết phế thải của Nhà máy.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: “Sơn khu vực bên trong tòa nhà Hành chính của Công ty”

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế của năm 2025.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Tổng hợp giá chào (Kết chuyển từ giá chào của hàng hóa bảng số 03a(1))	(1)
Tổng cộng giá chào (<i>đã bao gồm toàn bộ thuế phí cần thiết để thực hiện gói thầu</i>) (M) = (1) (<i>Kết chuyển sang đơn chào hàng</i>)		(M)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỬA HÀNG HÓA

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
1	Vệ sinh, xử lý cạo bỏ lớp sơn cũ	m2	2,518.9			
2	Bã bột matit và chống thấm chân tường	m2	1,461.0			
3	Sơn 1 lớp lót và 2 lớp phủ bằng sơn Dulux trong nhà (Dulux Ambiance Primer và Dulux Ambiance 5in1 Pearl Glow) hoặc tương đương	m2	2,518.9			
4	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong có chiều cao > 3,6m	100 m2	30.0			
Cộng trước thuế						
Thuế VAT						
Tổng cộng đã bao gồm thuế						

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thu bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____ [Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Luật đấu thầu số 22/2023/QH15];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Nghị định số 24/2024/NĐ-CP];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

² Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền)
hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công tác Sơn khu vực bên trong tòa nhà Hành chính của Công ty theo phụ lục - Biểu giá và Phạm vi công việc (đính kèm).

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản Hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- Bên B cam kết thực hiện các công việc cho Bên A như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.
- Phối hợp, hướng dẫn Bên A trong quá trình lắp đặt, vận hành, chạy thử.

Điều 5. Giá Hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ (bằng chữ :...)
 2. Điều chỉnh thuế (áp dụng đối với thuế VAT): Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách
 3. h về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời bên B xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
3. Phương thức thanh toán:
- a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- b) Số lần thanh toán 01 (một): Thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhà thầu hoàn thành tất cả công việc và bàn giao đưa vào sử dụng cho bên A.

Thanh toán 01 lần:

Thanh toán 01 lần bằng 100% giá trị hợp đồng trong vòng 07 ngày sau khi Bên B hoàn thành công trình, được nghiệm thu hoàn thành tất cả công việc theo hợp đồng, bàn giao công trình đưa vào sử dụng và Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán gồm:

- + Bản gốc giấy đề nghị thanh toán;
- + Bộ gốc biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành;
- + Bộ gốc biên bản xác nhận giá trị hoàn thành;
- + Bộ gốc biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và đưa vào sử dụng;
- + Bộ gốc biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng;
- + Hóa đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài Chính có giá trị bằng 100% giá trị hợp đồng;
- + Bản gốc thư Bảo lãnh bảo hành của một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng/ tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành;

Điều 6. Loại Hợp đồng: Trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện gói thầu

- Thời gian thực hiện gói thầu: 26 ngày kể từ ngày ký hợp đồng;
- Thời gian thanh toán, quyết toán và thanh lý hợp đồng trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhà thầu hoàn thành tất cả công việc và bàn giao đưa vào sử dụng cho bên A.

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung Hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:
 - a) Thay đổi yêu cầu công việc theo hợp đồng;
 - b) Bổ sung hạng mục công việc ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;
 - c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.
2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo các yêu cầu sau:
 - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng.
 - Hình thức bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Thư bảo lãnh do ngân hàng/ tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đóng tiền đặt cọc bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của PVPower NT2.
 - Giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng: 3% giá Hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Thời gian thực hiện Hợp đồng cộng thêm 30 ngày
- 2. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho PVPower NT2 khi nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho PVPower NT2; nhà thầu thực hiện dịch vụ chậm tiến độ.
- 3. PVPower NT2 phải hoàn trả bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho nhà thầu trong thời hạn: sau 30 ngày kể ngày hai Bên hoàn thành thủ tục thanh lý Hợp đồng.

Điều 10. Bảo hành

- Bên B bảo đảm rằng toàn bộ phạm vi công việc được thực hiện theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.
- Yêu cầu về bảo hành như sau: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công việc.

Điều 11. Chấm dứt hợp đồng

1. PVPower NT2 hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:
 - a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được PVPower NT2 gia hạn;
 - b) Nhà thầu bị phá sản, giải thể;
 - c) Các hành vi khác (nếu có).
2. Trong trường hợp PVPower NT2 chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, PVPower NT2 có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Nhà thầu đã không thực hiện. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho PVPower NT2 những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.
3. Trong trường hợp PVPower NT2 chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, PVPower NT2 không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của PVPower NT2 được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

1. PVPower NT2 và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.
2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ Bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo các quy tắc của Việt Nam hoặc của tòa án theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài hoặc tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc các Bên.

Điều 13. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.
3. Hợp đồng được lập thành 04 bộ, PVPower NT2 giữ 03 bộ, Nhà thầu giữ 01 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN B

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN A

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

THƯ CHẤP THUẬN BẢN CHÀO GIÁ VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]*

Về việc: *Thông báo chấp thuận BCG và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư *[ghi tên Chủ đầu tư, sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”]* về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: ____ *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*, Bên mời thầu *[ghi tên Bên mời thầu, sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”]* xin thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận BCG và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu *[ghi tên, số hiệu gói thầu]* với giá hợp đồng là: ____ *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện hợp đồng là: ____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*;

- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Điều 9 Chương IV]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của YCBG. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



